

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG,
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG

Tháng 4 năm 2026

Mức lương cơ bản: 2.340.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mã ngạch lương	Lương hệ số										Các khoản trừ vào lương					Số thực lĩnh
				Hệ số lương	Hệ.s PC chức vụ	Hệ số phụ cấp khác						Cộng hệ số	Thành tiền	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng		
						Khu vực	TN	PC V.kh		PC thâm niên								PC ưu đãi ngành 50%	
								%	Hệ số	%	Hệ số								
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17
1	Lò Thị Kim Thông	HT	V.07.02.25	5,36	0,50	0,5				28%	1,641	2,93	10,931	25.578.072	1.404.150	263.278	175.519	1.842.947	23.735.125
2	Nguyễn Thị Thúy	HP	V.07.02.25	5,70	0,35	0,5				39%	2,360	3,03	11,935	27.926.730	1.574.258	295.173	196.782	2.066.214	25.860.516
3	Lò Thị Hồng Nhung	HP	V.07.02.25	3,66	0,35	0,5				18%	0,722	2,01	7,237	16.934.112	885.793	166.086	110.724	1.162.603	15.771.509
4	Khổng Thị Oanh	GV	V.07.02.25	3,99		0,5				18%	0,718	2,00	7,203	16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	GV-TT	V.07.02.25	4,34	0,20	0,5				18%	0,817	2,27	8,127	19.017.648	1.002.868	188.038	125.358	1.316.264	17.701.384
6	Nguyễn Thị Hoài Thanh	GV	V.07.02.25	4,98		0,5				25%	1,245	2,49	9,215	21.563.100	1.165.320	218.498	145.665	1.529.483	20.033.618
7	Lê Thị Hiền	GV	V.07.02.25	4,68		0,5				19%	0,889	2,34	8,409	19.677.528	1.042.554	195.479	130.319	1.368.352	18.309.176
8	Đinh Thị Dương	GV	V.07.02.26	3,96		0,5				19%	0,752	1,98	7,192	16.830.216	882.161	165.405	110.270	1.157.837	15.672.379
9	Nguyễn Thị Huyền	GV	V.07.02.26	3,99		0,5				19%	0,758	2,00	7,243	16.948.854	888.844	166.658	111.106	1.166.608	15.782.246
10	Hà Thị Hiền	GV-TP	V.07.02.26	3,99	0,15	0,5				18%	0,745	2,07	7,455	17.445.168	914.509	171.471	114.314	1.200.294	16.244.874
11	Trần Thị Hồng Nhung	GV	V.07.02.26	3,65		0,5				18%	0,657	1,83	6,632	15.518.880	806.270	151.176	100.784	1.058.230	14.460.650
12	Nguyễn Thu Dung	GV	V.07.02.26	3,65		0,5				15%	0,548	1,83	6,523	15.262.650	785.772	147.332	98.222	1.031.326	14.231.324
13	Nguyễn Thị Huế	GV-TP	V.07.02.26	3,99	0,15	0,5				19%	0,787	2,07	7,497	17.542.044	922.260	172.924	115.282	1.210.466	16.331.578
14	Bùi Thị Thảo	GV	V.07.02.26	3,96		0,5				17%	0,673	1,98	7,113	16.644.888	867.335	162.625	108.417	1.138.377	15.506.511
15	Phạm Thị Lan	GV-TT	V.07.02.26	3,99	0,20	0,5				18%	0,754	2,10	7,539	17.641.728	925.554	173.541	115.694	1.214.790	16.426.938
16	Vương T Thanh Hoa	GV	V.07.02.25	3,99		0,5				18%	0,718	2,00	7,203	16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683
17	Cao Thị Thu Nghĩa	GV	V.07.02.25	4,32		0,5				17%	0,734	2,16	7,714	18.051.696	946.184	177.409	118.273	1.241.866	16.809.830
18	Lò Thị Lá	GV	V.07.02.25	3,99		0,5				18%	0,718	2,00	7,203	16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683
19	Quản Thị Nhân	GV	V.07.02.26	3,65		0,5				16%	0,584	1,83	6,559	15.348.060	792.605	148.613	99.076	1.040.294	14.307.766
20	Phùng Thị Hương	GV	V.07.02.26	3,34		0,5				13%	0,434	1,67	5,944	13.909.428	706.530	132.474	88.316	927.321	12.982.107
21	Nguyễn T Thu Phương	GV	V.07.02.25	3,30		0,5				10%	0,330	1,65	5,780	13.525.200	679.536	127.413	84.942	891.891	12.633.309
22	Lò Thị Nhoi	GV	V.07.02.26	3,03		0,5				10%	0,303	1,52	5,348	12.514.320	623.938	116.988	77.992	818.918	11.695.402

23	Lường Thị Mai	GV	V.07.02.26	3,03		0,5				8%	0,242	1,52	5,287	12.372.516	612.593	114.861	76.574	804.029	11.568.487
24	Cà Thị Phương	GV	V.07.02.26	3,99		0,5				18%	0,718	2,00	7,203	16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683
25	Vũ Thị Hồng Thắm	KT-TT	06.031	3,66	0,20	0,5	0,1						4,460	10.436.400	722.592	135.486	90.324	948.402	9.487.998
	Cộng			100,19	2,1	12,5	0,1		0,000		18,849	49,22	182,95	428.111.190	22.677.127	4.251.961	2.834.639	29.763.727	398.347.459
	Lương Hợp Đồng																		
1	Đỗ Văn Thống	BV												4.140.000	331.200	62.100	41.400	434.700	3.705.300
2	Nguyễn Xuân Lợi	BV												4.140.000	331.200	62.100	41.400	434.700	3.705.300
	Cộng													8.280.000	662.400	124.200	82.800	869.400	7.410.600
	Cộng tổng			100,19	2,10	12,5	0,1		0,0000		18,849	49,22	182,95	436.391.190	23.339.527	4.376.161	2.917.439	30.633.127	405.758.059

Tổng số tiền (bằng chữ) : Bốn trăm linh năm triệu , bảy trăm năm tám nghìn không trăm năm chín đồng./

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)



Vũ Thị Hồng Thắm

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



Vũ Thị Hồng Thắm

Ngày 02 tháng 4 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Lò Thị Kim Thông